TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 22/8/2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiện

Bà Phạm Thị Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 188/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện A , tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 280/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Diễm M** , sinh năm: **1998**.

Cư trú: xã A , huyện T , tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn T ,** sinh năm: **1989.**

Cư trú: xã V , huyện A , tỉnh An Giang.

(Bà M , ông T cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Lê Thị Diễm M , trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà ông T được thời gian, do không có thu nhập ổn định nên hai vợ chồng cùng nhau đi về Đồng Tháp làm công nhân được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông

T không muốn đi làm mà về phụ giúp gia đình nhưng bà không đồng ý nên vợ chồng phát sinh tranh cãi nhiều lần, được gia đình hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được.

Đến tháng 02/2019, ông T cùng cháu V về xã V và ly thân nhân đến nay. Nhiều lần gia đình hàn gắn nhưng không thành, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông T .

Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh V , sinh ngày 09/10/2016, từ trước đến nay do bà chăm sóc nhưng từ ngày 13/02/2019 ông T cùng cháu Vân về ở xã V , nhiều lần bà đến nhà thăm nhưng bị ông T và gia đình ông T ngăn cản. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng vì con bà vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà và ông T không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà.

Ông Phạm Văn T trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ông đồng ý với lời trình bày của bà M . Ông thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần nói chuyện cùng gia đình hàn gắn nhưng không được, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Bà M đã nộp đơn ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà M .

Về quan hệ con chung: Đồng ý với lời trình bày của bà M . Tuy nhiên, nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà M

***Chứng cứ Tòa án thu thập được*:**

Ông Lê Hùng Tường E cha ruột của bà M trình bày: Bà M và ông T có mâu thuẫn với nhau đã lâu, ông T muốn vợ chồng cùng về nhà ông T để sinh sống nhưng bà M không đồng ý. Hai gia đình có nói chuyện nhưng không hàn gắn được, tháng 02/2019 ông T cùng cháu Vân về xã V sinh sống, bà M nhiều lần qua thăm con và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T và gia đình ngăn cản, do quá tức giận nên bà M nộp đơn xin ly hôn và yêu cầu nuôi con. Nay bà M xin ly hôn với ông T ông không có ý kiến vì các con đã lớn, do pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bên bảo lưu ý kiến của mình.

Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm M .

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Diễm M và ông Phạm Văn T .

Về quan hệ con chung: Ông T được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thị Thanh V , sinh ngày 09/10/2016, công nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà M đến thăm con chung, không ai được cản trở bà M thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/5/2019 bà Lê Thị Diễm M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu ông Pham Văn T phải giao con chung tên Phạm Thị Thanh V , sinh ngày 09/10/2016 cho bà Lê Thị Diễm M nuôi dưỡng đúng theo quy định pháp luật, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án chấp nhận kháng cáo của bà.

Bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Do cháu My chưa tròn 36 tháng tuổi, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Diễm M kháng cáo trong hạn luật định và có nộpf tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà M thấy rằng: Ông, bà thống nhất vợ chồng có 1 con chung tên Pham Thị Thanh V . Ông, bà cũng thống nhất cháu V được mẹ chăm sóc từ nhỏ nhưng từ tháng 2/2019 ông T tự ý đưa cháu Vân về xã V sinh sống cho tới nay mà không thống qua ý kiến chị M. Sau khi ly hôn, bà M và ông T đều yêu cầu được nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và ông T đều cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập của bản thân, trình bày được điều kiện chăm sóc tốt cho V . Tuy nhiên, Trong quá trình ông T nuôi dưỡng cháu V , ông T có hành vi cản trở, gây khó khăn trong việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Tại phiên tòa hôm nay ông T xin được nuôi con và đồng ý cho bà M được tới lui thăm nom con chung nhưng bà M không đồng ý do trước đây ông T gây khó khăn và cản trở bà trong việc thăm con. Sau khi được Hội đồng xét xử giải thích nhiều lần về quyền và nghĩa vụ của người được trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con, ông T vẫn không đồng ý với yêu cầu chính đáng của bà M , hạn chế quyền và nghĩa vụ làm mẹ của bà M trong việc thăm nom, chăm sóc con chung được quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia

đình. Hơn nữa ông T hiện làm ruộng cùng với gia đình và làm nghề tự do, còn bà M làm công nhân có cuộc sống ổn định.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu V sinh ngày 09/10/2016, đến ngày xét xử cháu V chưa tròn 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Do cháu V chưa được 36 tháng tuổi, cần có sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của mẹ để cháu có sự phát triển tốt nhất về mọi mặt, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M và đề nghị của Viện Kiểm sát sửa bản án sơ thẩm giao cháu V , cho bà M được nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông T có nghĩa vụ giao cháu V lại cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà M và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo qui định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Diễm M . Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 188/2019/DS-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về con chung: Giao cho Bà Lê Thị Diễm M được quyền nuôi con chung tên Phạm Thị Thanh V , sinh ngày 09/10/2016. Ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Ông T có nghĩa vụ giao cháu V lại cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Bà Lê Thị Diễm M được nhận lại 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo biên lai thu số 0011311 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định ở Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện A (1)
- THA huyện A (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự "Để thi hành"
- Lưu: hồ sơ.

Trần Minh Hải